TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐT** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 27/2024/QĐST-DS	*ĐT, ngày 18 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 7, Điều 8 Nghị Quyết 01/2019/HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao; Thông tư 39/2016/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 12 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 122/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2024;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Q(Q)**; địa chỉ: tầng 1, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo ủy quyền: ông Hoàng Đình H - Chức vụ: Giám đốc thu hồi nợ trực tiếp và xử lý nợ vùng. Địa chỉ: tầng 4, quận Đ, Thành phố Hà Nội; người đại diện theo ủy quyền: bà Đỗ Thị Thanh T – chức vụ: cán bộ ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam; địa chỉ: tầng 4, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

* Bị đơn: bà **Bùi Thị H**, sinh năm 1959; nơi cư trú: thôn Y, xã H, thành phố ĐT, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ngày 15/9/2023, Ngân hàng TMCP Q(viết tắt là Q) và bà Bùi Thị H có ký Hợp đồng cấp tín dụng số 103230941.23 để bà Hợp vay số tiền 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng); thời hạn cho vay: 12 tháng, kể từ ngày 17/9/2023 đến 16/9/2023; lãi suất tại thời điểm giải ngân là 7,5%/năm được áp dụng trong 06 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng, sau đó lãi suất điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 3,2%/năm; ngày trả lãi vào ngày 25 hàng tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả tiền lãi là 10%/năm.

Ngày 16/9/2023 Q đã giải ngân cho bà Bùi Thị H vay số tiền 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) tại Khế ước nhận nợ số 103246928.23 ngày 16/9/2023

Ngày 16/9/2023, bà Bùi Thị H có đăng ký đề nghị Ngân hàng TMCP Qphát hành thẻ tín dụng Q, hạn mức 80.000.000 đồng và được Q chấp nhận. Lãi suất hai bên thỏa thuận áp dụng theo biểu phí dịch vụ thẻ tín dụng của Q.

Để bảo đảm cho hai khoản vay tín dụng nêu trên, ngày 15/9/2023 bà Bùi Thị H đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 1781, quyển số 07/2023TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Trương Quảng, tỉnh Quảng Ninh công chứng ngày 15/9/2023 để thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 462, tờ bản đồ số 36, diện tích 176,8m2; địa chỉ thửa đất tại thôn T, xã H, thành phố ĐT, tỉnh Quảng Ninh (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 155939, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH03418 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) ĐT cấp ngày 09/05/2018 mang tên bà Bùi Thị H.

Từ ngày 25/6/2024, bà Bùi Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tạm tính đến ngày 09/12/2024, bà Bùi Thị H còn nợ Ngân hàng TMCP Q(Q) tổng số tiền 990.189.196 đồng cụ thể như sau:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 103230941.23 ngày 15/9/2023, bà Hợp còn nợ tổng cộng 862.246.649 đồng (trong đó: nợ gốc 800.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 29.746.846 đồng, lãi quá hạn 32.499.803 đồng).

- Đối với thẻ tín dụng bà Hợp còn nợ tổng cộng: 127.942.547 đồng (trong đó: nợ gốc 81.112.276 đồng; nợ lãi trong hạn 11.434.930 đồng, lãi quá hạn 0 đồng, nợ phí là 35.395.341 đồng).

Hai bên đương sự thỏa thuận bà Hợp có nghĩa vụ trả nợ ngân hàng tổng số tiền nợ gốc + lãi tại hai khoản vay tín dụng nêu trên tính đến ngày 09/12/2024 là 990.189.196 đồng (*chín trăm chín mươi triệu một trăm tám mười chín ngàn một trăm chín mươi sáu đồng*); bà Bùi Thị H còn phải tiếp tục trả tiền lãi, lãi chậm trả, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ, đề nghị phát hành thẻ ngày 16/9/2023 đã ký kết với Ngân hàng TMCP Q(Q) kể từ ngày 10/12/2024 cho đến khi trả hết nợ. Cụ thể các mức lãi suất;

- Đối với hợp đồng tín dụng số 103230941.23: lãi suất trong hạn bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 3,2%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả tiền lãi là 10%/năm.

- Đối với thẻ tín dụng: Lãi suất áp dụng theo biểu phí dịch vụ thẻ tín dụng của Q.

Cách thức bà Hợp phải trả nợ ngân hàng như sau:

- Đến ngày 10/01/2025: Bà Bùi Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q(Q) tổng số tiền là 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*).

- Đến ngày 10/02/2025: Bà Bùi Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q(Q) toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi còn lại.

Nếu bà Bùi Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Q có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm của bà Bùi Thị H theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 1781, quyển số 07/2023TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Trương Quảng, tỉnh Quảng Ninh công chứng ngày 15/9/2023 là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 462, tờ bản đồ số 36, diện tích 176,8m2; địa chỉ thửa đất tại thôn T, xã H, thành phố ĐT, tỉnh Quảng Ninh (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 155939, số vào sổ cấp giấy chứng

nhận CH03418 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) ĐT cấp ngày 09/05/2018 mang tên bà Bùi Thị H.

* Về án phí và chi phí tố tụng khác: Mỗi đương sự phải chịu 10.426.419 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Bùi Thị H là người cao tuổi nên được miễn án phí, bà Hợp tự nguyện chịu toàn bộ án phí và các chi phí tố tụng khác nên phải chịu thay cho ngân hàng Q số tiền án phí là 10.426.419 đồng (*mười triệu bốn trăm hai mươi sáu ngàn bốn trăm mười chín đồng*) và phải trả lại ngân hàng Q số tiền 9.798.000 đồng (*chín triệu bảy trăm chín mươi tám ngàn đồng*) chi phí thẩm định tại chỗ mà ngân hàng đã nôp tạm ứng. Trả lại ngân hàng Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp: 20.182.000 đồng (*hai mươi triệu một trăm tám mươi hai ngàn đồng*) theo biên lai số 3729, ngày 13/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố ĐT.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Kể từ ngày người được thi hành án dân sự có đơn đề nghị thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả được khoản tiền chi phí thẩm định tại chỗ phải thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. ĐT;
- CCTHADS TP. ĐT;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Bùi Quang Vinh